TRUNG QUỐC: CẢI CÁCH CHÍNH PHỦ SAU KHI GIA NHẬP WTO

PHẠM THÁI QUỐC*

Gia nhập WTO đem lại cả cơ hội lẫn những thách thức đối với nền kinh tế Trung Quốc. Theo cách nhìn nhận của người Trung Quốc thì tư cách thành viên WTO đem lại "7 lợi 3 hại" cho họ. Tuy nhiên trên thực tế, mức độ lợi hại lại phụ thuộc rất nhiều vào những nỗ lực tiếp tục cải cách mà cải cách Chính phủ là một trong nhiều nội dung quan trọng ở Trung Quốc sau khi nước này gia nhập WTO.

I. TẠI SAO PHẢI CẢI CÁCH CHÍNH PHỦ?

Việc Trung Quốc gia nhập WTO trước hết là một thách thức đối với Chính phủ Trung Quốc, thách thức này buộc phải cải cách, thay đổi các chức năng cũng như cách thức vận hành của Chính phủ. Tại sao lại nói như vậy ? Có ba lý do chính sau đây:

Thứ nhất, chủ thể gia nhập WTO là Chính phủ Trung Quốc chứ không phải là doanh nghiệp Trung Quốc. Khi Trung Quốc gia nhập WTO, chính Chính phủ là người nêu các cam kết song phương và đa phương, cũng chính Chính phủ là người tổ chức thực hiện nghiêm túc những cam kết này. Trong số 23 Hiệp định của WTO, chỉ có hai điều khoản nhắc đến xí nghiệp, còn lại các điều khoản khác đều là những quy phạm hành chính của Chính phủ. Cốt lõi của 6 nguyên tắc cơ bản của WTO nhằm đảm bảo tính công bằng của thương mại đều không phải là những yêu cầu đối với các xí nghiệp mà là những yêu cầu đòi hỏi các Chính phủ phải thực hiện. Sau khi Trung Quốc gia nhập WTO, mặc dù các xí nghiệp Trung Quốc cũng phải chịu sức ép rất mạnh của các xí nghiệp nước ngoài về nhiều mặt, tuy nhiên, thách thức mà Chính phủ Trung Quốc phải đối mặt vẫn là lớn nhất. Thách thức này không phải thể hiện ở chất lượng hay giá cả sản phẩm mà là ở chỗ hệ thống luật pháp, quy định của WTO ràng buộc chức năng của Chính phủ, buộc Chính phủ phải cải cách, đổi mới để làm việc có hiệu quả hơn, trước mắt là thực hiện tốt các cam kết của mình.

Thứ hai, thể chế của Chính phủ Trung Quốc ở thời điểm Trung Quốc đã chính thức là thành viên WTO *vẫn* chưa hoàn toàn phù hợp với cơ chế vận hành của WTO. Sau 20 năm cải cách, mở cửa, thể chế của Chính phủ Trung Quốc, dù đã có nhiều thay đổi nhưng còn nhiều điểm vẫn được xây dựng trên cơ sở kinh tế tập trung, phương thức vận hành của

* TS. Viện Kinh tế chính trị thế giới.

Chính phủ vẫn chưa hết tính mệnh lệnh. Chính phủ vẫn trực tiếp tham gia vận hành nền kinh tế - điều này được thể hiện rất rõ trong quản lý các dòng vốn ra, vào Trung Quốc cũng như việc kiểm soát chế độ tỷ giá. Chính vì vậy nhiều ý kiến cho rằng "*ở Trung Quốc vừa có quá nhiều lại vừa có quá ít Chính phủ*" - quá nhiều trong kiểm soát sản xuất và đầu tư, quá ít trong lĩnh vực giám sát thực hiện các quy định của pháp luật, trong cung cấp hàng hoá dịch vụ công cộng.

Chính phủ vẫn chưa hoàn toàn tách ra khỏi hoạt động của doanh nghiệp, còn dùng một số biện pháp chưa phù hợp với quy tắc của WTO: như hoàn thuế, có lãi suất ưu đãi để trợ giúp các DN nhà nước; Biên chế của các cơ quan Chính phủ quá nhiều (theo thống kê năm 1996, số người nhận lương từ ngân sách là 36,730 triệu); quan hệ chính quyền Trung ương và địa phương chưa hợp lý. Sau khi gia nhập WTO, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đặc biệt trong sản xuất và dịch vụ được mở rộng, khu vực tư nhân được phát triển hơn. Sự theo đuổi lợi ích riêng nếu không được kiểm soát chặt chẽ sẽ khiến xuất hiện nhiều hoạt động xa rời lợi ích của xã hội, công tác quản lý của Chính phủ vì vậy sẽ phức tạp hơn. Nếu không cải cách, đổi mới, Chính phủ không thể đáp ứng các yêu cầu quản lý và điều hành nền kinh tế trong điều kiện mới.

Thứ ba, hệ thống pháp luật của Trung Quốc còn thiếu, còn nhiều điểm chưa phù hợp: chưa hoàn chỉnh, thiếu tính thống nhất, tính công khai. Trung Quốc vẫn đang trong quá trình chuyển sang kinh tế thị trường, hệ thống luật pháp về kinh tế thị trường còn chưa hoàn thiện, hiện tượng chưa có luật làm căn cứ hay cơ sở luật pháp chưa đầy đủ vẫn còn phổ biến. Bên cạnh đó, hệ thống thị trường chưa thống nhất, chưa mở cửa hoàn toàn. Thị trường chứng khoán Trung Quốc được chính thức thành lập năm 1990, nhưng đến năm 1999, Luật Chứng khoán mới ra đời. Đặc biệt, ngành dịch vụ được mở cửa sau, nên các quy định, văn bản pháp quy của Chính phủ còn thiếu nhiều dẫn đến tình trạng nhiều cơ quan, ban ngành còn quản lý chủ yếu dựa vào các văn bản, các quy định cũ, mang tính nội bộ - khác xa với những đòi hỏi, yêu cầu của quốc tế. Trung Quốc có truyền thống quản lý bằng "pháp trị" kết hợp với "đức trị". Tuy nhiên, với sự du nhập của văn hoá và lối sống phương Tây, nhiều quy tắc đạo đức truyền thống có giá trị trong điều chỉnh nhận thức và hành vi bị mai một, trong bối cảnh hệ thống pháp luật còn yếu, còn thiếu khiến tư tưởng chuyên chế, nhân trị... vẫn còn tồn tại dai dẳng. Do sợ cấp trên, nhiều cán bộ nhà nước phải lựa chọn vi phạm quy định của luật pháp chứ không dám trái ý lãnh đạo. Chính vì vậy, tình trạng "*hiệu lực pháp luật không mạnh bằng uy quyền cá nhân*" còn không ít, đặc biệt ở các địa phương vùng sâu, vùng xa.

Bên cạnh đó, đội ngũ cán bộ Chính phủ còn nhiều yếu kém: về năng lực hoạt động, cơ chế đề bạt, đào thải, bãi chức chưa được thể chế hoá hoàn toàn. Việc tuyển dụng nhân viên vào các cơ quan nhà nước chưa thực sự dựa vào năng lực đảm đương công việc. Với những lý do trên, Trung Quốc không thể không cải cách Chính phủ.

II. QUAN ĐIỂM VỀ CẢI CÁCH CHÍNH PHỦ VÀ NỘI DUNG CẢI CÁCH CHÍNH PHỦ

1. Quan điểm về cải cách Chính phủ

Theo TS. Nguyễn Thành Phát[1], sau khi gia nhập WTO, chức năng của Chính phủ, của chính quyền các cấp ở Trung Quốc cần thể hiện ở bốn mặt trọng điểm sau đây:

1) *Tăng cường điều hành và quản lý kinh tế vĩ mô* - đương nhiên, không phải là điều hành theo kiểu kinh tế kế hoạch mệnh lệnh trước kia mà là điều hành với các biện pháp phù hợp với quy luật thị trường.

2) *Xây dựng quy tắc thị trường*, các quy tắc cạnh tranh, là người trọng tài, bắt buộc các doanh nghiệp, các đơn vị hành chính khác chấp hành các quy tắc đã ban hành, đồng thời điều chỉnh những khâu, những mặt mất cân đối trên thị trường.

3) *Tổ chức sản xuất các sản phẩm công cộng* (Public goods). Với sự phát triển nhanh của nền kinh tế, cư dân và các đơn vị sản xuất kinh doanh sẽ có yêu cầu lớn hơn về các sản phẩm công cộng như đường sá, sân bay, cầu cống, hệ thống điện - nước, công viên, hệ thống an ninh... loại sản phẩm này khó cân đối nếu chỉ dựa vào sự điều tiết của thị trường. Do vậy, Chính phủ cần thông qua các chính sách về tài chính, tiền tệ, chính sách ngành nghề... để đảm bảo cho việc xây dựng cũng như chất lượng các loại sản phẩm này.

4) Tạo lập môi trường thông thoáng, thống nhất cho các hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo kết hợp giữa bảo hộ với cạnh tranh lành mạnh, công bằng.

Cũng theo tác giả Nguyễn Thành Phát, để chuyển đổi chức năng của Chính phủ, cần thực hiện phương thức và biện pháp sau đây.

1) *Tăng cường chức năng quản lý vĩ mô*. Điều này thể hiện ở chỗ Chính phủ vận dụng các công cụ như luật pháp, hành chính, kinh tế để điều khiển các hoạt động kinh tế, phát huy tốt các chức năng: chỉ đạo về chiến lược, duy trì những cân đối chính trong nền kinh tế (cung cầu về hàng - tiền, ngăn chặn lạm phát, thất nghiệp, cân đối ngành nghề...), đồng thời khắc phục những khiếm khuyết của thị trường.

2) *Giảm nhẹ dần chức năng quản lý vi mô*. Tức là Chính phủ giảm sự can dự vào các hoạt động của cấp dưới, của xí nghiệp, chuyển một số quyền thẩm định, xét duyệt, quản lý... cho cấp dưới, cho doanh nghiệp, làm cho các lực lượng thị trường trở thành chủ thể trong phân bổ các nguồn lực. Điều này cũng có nghĩa là phân giải một phần chức năng của Chính phủ, làm giảm nhẹ chức năng quản lý nhiều mặt của Chính phủ truyền thống.

3) *Chuyển hoá chức năng quản lý xã hội của Chính phủ*. Tức là chuyển giao chức năng quản lý xã hội từ Chính phủ cho các thực thể xã hội như: cá nhân, gia đình, các tổ chức xã hội và các xí nghiệp. Trên thực tế, mở rộng nguyên tắc tập trung dân chủ, thông qua những quy định, nhiều công việc giao cho cấp dưới, cho các tổ chức xã hội thì làm tốt hơn, dễ hơn, nhưng nếu tất cả đều tập trung trong tay Chính phủ thì rất khó giải quyết. Chính vì vậy Chính phủ phải mạnh dạn giao quyền cho các tổ chức xã hội, tránh ôm đồm những công việc mang tính chất kỹ thuật, tính chất phục

vụ, điều hoà như: kế toán, kiểm toán, quản lý ngành nghề, đánh giá tài sản...

Còn theo Giáo sư Trì Phúc Lâm[2], nhiệm vụ quan trọng của cải cách Chính phủ hiện nay là phải chuyển từ Chính phủ hướng về phát triển kinh tế sang một Chính phủ hướng về dịch vụ công cộng. Để thực hiện nhiệm vụ này, cần phải làm một số nội dung sau đây:

1) *Tăng cường chức năng của Chính phủ trong quản lý công cộng*, đưa ra nguyên tắc ưu tiên hàng đầu cho các mục tiêu xã hội. Chức năng cung cấp hàng hoá công cộng của Chính phủ cần được quy định rõ bằng các luật phù hợp.

2) Cải cách hệ thống quốc khố hướng vào đầu tư để đẩy mạnh phát triển hệ thống tài chính công, tăng chi tiêu Chính phủ cho cho các loại phúc lợi công cộng như: y tế, thể thao, giáo dục, trợ cấp xã hội.

3) *Chuyển từ Chính phủ hướng về quản lý hành chính sang Chính phủ thực hiện quản lý theo pháp trị*. Nghĩa là chuyển từ xã hội được điều khiển bởi quyền lực sang xã hội điều khiển bởi chức năng, chuyển từ Chính phủ với nhiều chức năng bất định sang Chính phủ có chức năng giới hạn, từ hệ thống quản lý hành chính đơn nhất sang hệ thống quản lý mang tính tư vấn và hợp tác. Cần thúc đẩy hình thành và phát triển các tổ chức xã hội. Để thực hiện tốt các chức năng của mình trong điều kiện mới, Chính phủ cần phối hợp hoạt động với các tổ chức xã hội và cộng đồng doanh nghiệp. *Chính phủ, các tổ chức xã hội và cộng đồng doanh nghiệp* được coi là *ba trụ cột* trong cấu trúc xã hội hiện đại.

Như vậy các quan điểm nêu trên đều có điểm chung cho rằng, cải cách Chính phủ phải hướng tới làm tốt hơn các chức năng của Chính phủ. Mà chức năng của Chính phủ trong điều kiện mới là phải tập trung vào một số khía cạnh như: dịch vụ xã hội, định hướng, quản lý chính các tổ chức, đoàn thể quản lý xã hội, là duy trì trật tự cạnh tranh thị trường công bằng, khuyến khích và giúp đỡ đổi mới doanh nghiệp, thúc đẩy sự phát triển cân đối và tăng trưởng ổn định của nền kinh tế, đề phòng lạm phát cao và giữ vững ổn định vật giá, tạo ra nhiều việc làm, đảm bảo cân đối thu chi quốc tế, điều tiết thu nhập và thúc đẩy công bằng xã hội, bảo vệ môi trường...

2. Nội dung của cải cách Chính phủ

a) Thực hiện cải cách theo mô hình "Chính phủ nhỏ, xã hội lớn"

Trước hết, cải cách Chính phủ sau khi Trung Quốc gia nhập WTO là sự tiếp tục những nỗ lực cải cách đã được đề ra từ cuối những năm 1990, khi Trung Quốc thực hiện nhiều nỗ lực để chuẩn bị cho sự gia nhập này. Phương châm, mô hình của cải cách Chính phủ ở Trung Quốc từ trước khi gia nhập WTO là: "Chính phủ nhỏ, xã hội lớn".

"*Chính phủ nhỏ*" là Chính phủ, nhà nước tập trung vào những công việc then chốt, có ý nghĩa quyết định đối với sự phát triển ổn định, có hiệu quả của toàn bộ nền kinh tế, chứ không ôm đồm, làm những việc không phải của mình, không đáng làm. Những công việc mà Chính phủ, phải làm là: ban hành những các quy định pháp luật, quy hoạch phát triển các vùng, các ngành nghề, hoạch định khung pháp lý và các chính sách kinh tế, đặc biệt là các chính sách tài chính, tiền tệ, giá cả; cung cấp các thông tin kinh tế, tiến hành các dự báo về mức

cung, cầu các loại hàng hoá cơ bản, dùng các đòn bẩy kinh tế dẫn dắt các hoạt động kinh tế; giám sát và quản lý, kiểm tra, thúc đẩy hình thành và hoàn thiện thể chế thị trường; thực hiện các chức năng phục vụ công cộng như: duy trì và gia tăng tài sản công; phát triển sự nghiệp giáo dục, y tế và phúc lợi xã hội, từng bước tăng cường thực hiện quản lý nhà nước bằng pháp luật.

"Xã hội lớn" là phát huy mạnh mẽ quyền tự chủ, sự tự trị và tự quản lý của các doanh nghiệp, các tổ chức xã hội, các đoàn thể. Đảm bảo cho các doanh nghiệp quyền tự chủ kinh doanh, độc lập hạch toán, tự chịu lỗ lãi, quyền quy định về tiền lương, tuyển dụng và cho công nhân thôi việc, tự quyết định việc phân phối lợi nhuận...

Thực tế cho thấy, việc thực hiện phương châm "Chính phủ nhỏ, xã hội lớn" đã giảm bớt được sự cồng kềnh trong bộ máy quản lý nhà nước ở các cấp, tinh giản biên chế công chức, thực hiện tách dần các chức năng giữa Đảng và Nhà nước, giữa chính quyền và xí nghiệp. Chính phủ không quản lý ôm đồm mà tập trung quản lý những cơ sở chính, còn lại để cho thị trường điều tiết. "Chính phủ nhỏ, xã hội lớn" cũng có nghĩa là Chính phủ nhường dần các hoạt động kiểm soát vi mô cho các lực lượng thị trường để tập trung vào quản lý vĩ mô.

b) Hoạt động của Chính phủ tập trung vào quản lý vĩ mô.

Vậy quản lý vĩ mô là quản lý cái gì, là làm những gì ? Từ sau khi chính thức gia nhập WTO, để chuyển trọng tâm sang sang quản lý vĩ mô, Chính phủ Trung Quốc tập trung làm những việc sau đây:

- *Duy trì sự phát triển ổn định của nền kinh tế*: Từ sau khi gia nhập WTO, kinh tế Trung Quốc có xu hướng tăng trưởng càng nhanh hơn (7,3%/2001; 8,7%/2002; 9,1%/2003, và 9,5% năm 2004), điều này đã gây ra một số khó khăn như Hội nghị Thường vụ của Quốc vụ viện Trung Quốc -họp 21/5/2004 - chỉ ra là: tốc độ tăng đầu tư quá "nóng", nhu cầu về điện, năng lượng, vận tải căng thẳng, các khoản vay tín dụng tăng quá nhanh, mức giá cả bị đẩy lên cao.... Do vậy làm nảy sinh nhiều vấn đề như: mất cân đối giữa tích luỹ và tiêu dùng, năng lực sản xuất dư thừa, làm tăng áp lực lạm phát, gây thiếu hụt, căng thẳng trong cung ứng năng lượng, tài nguyên, gia tăng chênh lệch phát triển các khu vực, giữa thành thị và nông thôn. Theo kinh nghiệm của Trung Quốc, khi tăng trưởng kinh tế mỗi quý vượt quá 9,5% thì nguồn cung ứng về năng lượng, nguyên vật liệu luôn phải chịu áp lực rất lớn, các ngành than, điện, dầu luôn bị căng thẳng. Nếu tăng trưởng kinh tế ở dưới mức 9% thì áp lực và mâu thuẫn trong vận hành kinh tế được kiềm chế ở mức có thể chịu được. Năm 2004, kinh tế Trung Quốc tăng trưởng trên 9%, trong quý 1/2005, mức tăng trưởng đạt 9,4%. Như vậy, đã đến lúc Trung Quốc phải kiềm chế, làm nguội lại nền kinh tế để năm 2005, 2006 - trong chu kỳ tăng trưởng 5 năm chuyển sang thời kỳ điều chỉnh ôn hoà. Từ thời điểm giữa năm 2005 trở đi trong chu kỳ tăng trưởng, hoạt động điều chỉnh vĩ mô Trung Quốc được mô tả là: *"Sửa nhà trước khi mưa bão" (Trần Đông Kỳ, Báo điện tử Quảng Tây 6/2005).* Để *"sửa nhà"*, Chính phủ Trung Quốc đã thực hiện nhiều biện pháp điều chỉnh kinh tế vĩ mô như: điều

chỉnh chính sách tiền tệ, hạn chế đầu tư ở một số ngành quan trọng, điều tiết giá cả để giảm bớt căng thẳng trong cung cầu ở một số ngành như năng lượng như: điện, than, khí đốt, khống chế việc sử dụng đất trong xây dựng, coi trọng hơn các khâu yếu trong một số ngành: năng lượng, nông nghiệp, giao thông, giáo dục...

Trong lĩnh vực tiền tệ, Trung Quốc đã dừng thực hiện chính sách tài chính tích cực, chuyển sang thắt chặt tiền tệ. Chính sách tài chính tích cực được ban hành năm 1998 mà mục tiêu là giảm thiểu ảnh hưởng của khủng hoảng tài chính châu Á. Nội dung của chính sách là tăng chi tiêu của Chính phủ, tăng cung tiền thông qua hạ tỷ lệ dự trữ bắt buộc của ngân hàng Trung ương, tăng cho vay mua nhà, xây nhà, bán trả góp, tăng phát hành công trái để thúc đẩy tăng sản xuất và tiêu dùng. Khi kinh tế phát triển quá nóng, chính sách này không phù hợp nữa. Để hạn chế mức tăng quá nhanh các khoản vay, từ giữa năm 2003 đến giữa năm 2004, Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc đã nhiều lần điều chỉnh, nâng cao tỷ lệ vốn dự trữ của Ngân hàng thương nghiệp và cho phép Ngân hàng này nâng cao lãi suất vay vốn tín dụng. Từ ngày 25/4/2004 các ngân hàng thương mại lớn phải nâng mức dự trữ bắt buộc từ 7% lên 7,5%. Đối với các tổ chức tài chính có mức an toàn vốn thấp, thì tỷ lệ này là 8%. Bên cạnh đó, Bộ Thương mại Trung Quốc đã quyết định hạ bớt tỷ lệ thoái thuế đối với các doanh nghiệp xuất khẩu. Đồng thời, Trung Quốc cũng đề ra quy định mới, nâng cao tỷ lệ góp vốn đầu tư trong các dự án đầu tư vào các ngành: sắt thép, xi măng, nhà đất. Mở rộng những hạn chế, thậm chí cấm đầu tư ở một số ngành như hoá dầu, công nghiệp nhẹ, dệt may, cơ giới...

Do sức ép thả nổi, tăng giá đồng NDT quá lớn, gây ra những căng thẳng trong quan hệ Trung - Mỹ, cộng với những căng thẳng trong quan hệ Trung - Nhật trong nửa đầu năm 2005, hơn nữa, việc EU cùng Mỹ thực hiện một số biện pháp hạn chế sự xâm nhập quá mạnh của hàng dệt Trung Quốc đã gây khó khăn cho xuất khẩu cũng như hạn chế thu hút đầu tư nước ngoài vào Trung Quốc khiến Trung Quốc đã quyết định từ ngày 21/7/2005, tăng giá đồng NDT 2,1%. Đây cũng là một khía cạnh cho thấy những can thiệp hợp lý của Chính phủ vào tỷ giá, nhằm điều chỉnh các quan hệ tiền tệ, thương mại và đầu tư.

- *Đẩy mạnh phát triển các ngành dịch vụ hiện đại*. Hiện nay thế giới và khu vực có xu hướng gia tăng chuyển dịch cơ cấu, phát triển mạnh các ngành dịch vụ, đặc biệt là các ngành dịch vụ hiện đại. Ở Trung Quốc, sự phát triển của các ngành dịch vụ hiện đại như: tiền tệ, bảo hiểm, chứng khoán, giao thông vận tải, y tế, giáo dục, truyền thông, giải trí... còn yếu. Nếu không coi trọng và không có hướng phát triển, ngành này của Trung Quốc có thể bị tụt hậu so với các nước trong khu vực, nhất là so với sự nổi lên hiện nay của Ấn Độ. Sau khi gia nhập WTO, ngành dịch vụ của Trung Quốc gặp phải sự tấn công rất mạnh của các đối tác Mỹ cũng như Nhật Bản, Hàn Quốc..., Do vậy, Chính phủ Trung Quốc đã và đang kêu gọi chuyển từ tư duy "Trung tâm chế tạo" của thế giới sang chủ động chiếm lĩnh thị trường dịch vụ trong nước và quốc tế, thay đổi tình thế bị động của ngành này trong cạnh tranh quốc tế. Hiện nay, Trung Quốc đã và đang thực hiện nhiều biện pháp như:

giảm thuế, hỗ trợ nguồn vốn, hỗ trợ kỹ thuật, hỗ trợ tạo việc làm... để thúc đẩy ngành dịch vụ hiện đại phát triển. Rút kinh nghiệm từ việc mở cửa thu hút đầu tư nước ngoài trước đây (nhất là thu hút đầu tư vào ngành gia công, chế tạo, chế biến) Trung Quốc đã đưa ra quá nhiều ưu tiên cho các doanh nghiệp có vốn nước ngoài, trong khi để các doanh nghiệp tư nhân trong nước tham gia thị trường muộn, với giá thành cao... gây thiệt hại cho lợi ích quốc gia. Giờ đây, trong chủ trương phát triển, mở cửa ngành dịch vụ, thực hiên các cam kết với WTO, Chính phủ Trung Quốc coi trọng mở cửa toàn diện đối với các doanh nghiệp tư nhân trong nước, coi đây vừa là sự cần thiết trong tăng trưởng chu kỳ ngắn của nền kinh tế, vừa tối ưu hoá được lợi ích quốc gia.

- Quản lý thông qua tăng cường hệ thống pháp luật.

Kinh tế thị trường càng phát triển thì việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật càng phải được tăng cường vì trong nền kinh tế thị trường luật pháp là một công cụ quan trọng để Chính phủ quản lý nền kinh tế.

Sau khi gia nhập WTO, bà Ngô Nghi - khi đó là Uỷ viên Quốc vụ viện Trung Quốc - hiện là Phó Thủ tướng Trung Quốc, cho rằng: việc từ bỏ những điều luật, quy định và chính sách lỗi thời sẽ là công việc được ưu tiên của các cấp chính quyền Trung Quốc. Chính vì vậy mà ngay từ đầu năm 2002, hơn 30 Vụ của Uỷ ban nhà nước Trung Quốc đã rà soát hơn 2300 bộ luật và quy định hiện hành, đã bãi bỏ 830 văn bản và sửa đổi 323 văn bản. Hơn 190.000 văn bản luật quy định của các cấp địa phương và các tiêu chuẩn đã được huỷ bỏ hoặc sửa đổi.

Gần đây hơn, từ ngày 1/6/2004, Trung Quốc bắt đầu thực hiện 30 bộ luật, cùng những văn bản pháp quy, các quy định pháp luật mới. Trong số này có đến 22 bộ luật cấp nhà nước và 8 bộ luật cấp địa phương[3]. Đáng chú ý trong số các quy định pháp luật mới, có nhiều quy định liên quan đến các ngành dịch vụ như tài chính, bảo hiểm và một số lĩnh vực mới nhằm giúp các ngành này phát triển vững chắc hơn. Ví dụ: *Luật Đầu tư chứng khoán, Quy định về quản lý công ty, Hướng dẫn khống chế rủi ro vận dụng bảo hiểm nguồn vốn, Quy định về quản lý tài sản bảo hiểm*. Những quy định pháp lý này đã và đang giúp ngành bảo hiểm và tài chính nói chung có cơ sở để phát triển, đặc biệt trong bối cảnh thời kỳ quá độ gia nhập WTO đã gần kết thúc.

Để các doanh nghiệp có thể hiểu sâu hơn, nhận thức tốt hơn, tránh và có cách giải quyết tốt trong các xung đột thương mại, Trung Quốc đã công bố ba văn bản pháp luật mới, đó là: *Điều lệ thực thi bảo hộ, Điều lệ chống bán phá giá và Điều lệ chống độc quyền*. Riêng trong lĩnh vực *thương mại dịch vụ:* Trong 3 năm kể từ khi gia nhập WTO, Trung Quốc đã ban hành hơn 40 quy định pháp luật liên quan đến các lĩnh vực như: ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, dịch vụ pháp luật, đại lý bán hàng, giao thông vận tải, du lịch, giáo dục... Đã thiết lập về cơ bản hệ thống luật pháp cho thương mại dịch vụ.

- Giám sát tài sản công. Tài sản công được xem là cơ sở vật chất quan trọng trong nền kinh tế thị trường XHCN ở Trung Quốc. Tính đến cuối năm 2002, tổng tài sản công trong cả nước Trung Quốc đạt 11800 tỷ NDT, trong đó tài sản

công của các cơ quan Trung ương chiếm 48%, đạt 5600 tỷ NDT, của địa phương chiếm 52%, đạt 6200 tỷ NDT[4]. Việc xây dựng và hoàn thiện thể chế giám sát tài sản công có quan hệ chặt chẽ đến việc hoàn thiện cơ chế kinh tế thị trường XHCN ở Trung Quốc.

Sau Đại hội 16 ĐCS Trung Quốc, đặc biệt từ sau các Hội nghị Trung ương 2 và 3, Quốc vụ viện Trung Quốc đã ban hành "Điều lệ tạm thời về giám sát tài sản công của doanh nghiệp", trong đó đã đưa ra những nguyên tắc và yêu cầu liên quan đến việc tổ chức, xây dựng các cơ quan giám sát tài sản công, tạo ra khung khổ pháp lý cho thể chế giám sát tài sản công. Sau đó, các cơ quan, từ Quốc vụ viện đến chính quyền các tỉnh, các khu tự trị, các thành phố... đều lần lượt thành lập cơ quan giám sát tài sản công. Với quyền hạn được giao, trong khuôn khổ các quy định pháp luật, các cơ quan này, dưới sự chỉ đạo của Chính phủ mà trực tiếp là Quốc vụ viện Trung Quốc, thực hiện các trách nhiệm của người có vốn, quản lý và giám sát tài sản công của Nhà nước.

Cho đến cuối năm 2004, Trung Quốc đã bước đầu xây dựng được bộ khung về thể chế giám sát tài sản công, cả nước Trung Quốc đã thành lập được gần 500 cơ quan giám sát tài sản công các cấp, trong đó có 203 cơ quan giám sát tài sản công cấp thành phố, địa khu. 28 tỉnh, khu tự trị, thành phố trực thuộc đã thiết lập riêng cho mình một ban công tác giám sát. Các tỉnh, thành phố, khu tự trị như: Bắc Kinh, Thượng Hải, Trùng Khánh, Quảng Đông... ngoài việc thực hiện điều phối tốt với các cơ quan giám sát tài sản công các cấp còn tìm kiếm các hình thức giám sát, quản lý tài sản công có hiệu quả. Các tỉnh khác như: Hồ Bắc, Hà Bắc, Hải Nam, Quảng Tây... cũng đã thành lập được Uỷ ban giám sát tài sản công riêng của mình. Ngoài ra, Uỷ ban giám sát tài sản công của Quốc vụ viện Trung Quốc còn ban hành 9 bản quy chế và hơn 20 văn bản quy phạm liên quan.

Để xoá bỏ triệt để tình trạng các DNNN thua lỗ, gần đây, Uỷ ban giám sát và quản lý tài sản nhà nước Trung Quốc đã trình Quốc vụ viện bản Kế hoạch chấm dứt hỗ trợ tài chính cho các DNNN thua lỗ. Theo kế hoạch này, trong 4 năm tới, các doanh nghiệp nhà nước làm ăn thua lỗ sẽ phải tự "tìm kế sinh nhai" hoặc phải tuyên bố phá sản theo quy luật của kinh tế thị trường. Quốc vụ viện Trung Quốc đã phê chuẩn bản kế hoạch này vào tháng 2/2005. Do vậy, ngay từ đầu năm 2005, Trung Quốc đã và đang đẩy mạnh việc biến các DNNN thành những công ty cổ phần nếu các doanh nghiệp này có khả năng niêm yết tại thị trường chứng khoán Trung Quốc. Đồng thời, để giúp các DNNN thực hiện điều này, Trung Quốc đã đưa ra nhiều chính sách về phá sản, trong đó quy định quyền của người lao động, về quản lý tài sản và các khoản vay khó đòi. Hiện tại, một số tỉnh thành như: Bắc Kinh, Thượng Hải, Triết Giang, Phúc Kiến, Giang Tô đã ngưng cấp các khoản tài trợ chính cho các DNNN có nguy cơ phá sản. Chính vì vậy, theo đánh giá có đến hơn 1800 DNNN bị đóng cửa trong năm 2005 (tính đến đầu năm 2005, đã có 3370 DNNN bị phá sản)[5].

- *Cung ứng dịch vụ xã hội cho người nghèo:*

Trung Quốc là một nước được xem là rất thành công trong các nỗ lực xoá bỏ đói nghèo. Nhờ nhiều cố gắng của Chính

phủ, số người thiếu đói đã giảm mạnh từ 250 triệu năm 1978 xuống còn hon 20 triệu năm 2003. Để làm tốt hơn công tác cung ứng dịch vụ xã hội cho người nghèo, Chính phủ các cấp từ Trung ương đến địa phương đã thành lập các cơ quan chuyên trách về vấn đề xoá bỏ đói nghèo ở các cấp. Dịch vụ này thể hiện ở chỗ: Hỗ trợ giáo dục, giảm thuế, miễn thuế nông nghiệp. Hoạt động hỗ trợ giáo dục được thực hiện qua việc chính quyền cho vay ưu đãi đối với các gia đình nghèo có con em đang đi học

Năm 2004, Trung Quốc ban hành Văn kiện số 1 về việc tăng thu nhập cho nông dân (8/2/2004), công bố "*Ý kiến về một số chính sách tăng thu nhập cho nông dân*", trong đó nêu ra một số biện pháp như: tăng thêm mức giảm - miễn thuế nông nghiệp, thí điểm cải cách chế độ miễn thuế nông nghiệp. Đầu năm 2005, có 26 trong số 31 tỉnh (các tỉnh: Hà Bắc, Sơn Đông, Vân Nam, Cam Túc và Quảng Tây vẫn phải nộp thuế), và khu tự trị ở Trung Quốc đã công bố miễn tất cả các loại thuế nông nghiệp cho nông dân. Các tỉnh: Hà Bắc, Sơn Đông, Vân Nam, Cam Túc và Quảng Tây sẽ được giảm 2% thuế trong năm 2005. Trên thực tế, Trung Quốc đã thực hiện miễn giảm thuế nông nghiệp cho nông dân ở 592 huyện, đã miễn thu toàn bộ thuế chăn nuôi. Nhờ chính sách mới, nông dân được giảm các khoản đóng góp tương đương hơn 20 tỷ NDT, (khoảng 2,41 tỷ USD). Năm 2005, Trung Quốc đã chi thêm 14 tỷ NDT, nâng số tiền chi cho trợ cấp (2002-2005) lên tới 66,4 tỷ NDT[6]. Kế hoạch đến năm 2006, Trung Quốc sẽ miễn toàn bộ thuế nông nghiệp cho nông dân cả nước.

- *Chính phủ làm dịch vụ xã hội:* Việc chuyển từ Chính phủ định hướng vào phát triển kinh tế sang Chính phủ định hướng vào dịch vụ công cộng được xem là một trong những mục tiêu cơ bản của cải cách Chính sau khi Trung Quốc gia nhập WTO. Trong số các dịch vụ xã hội, vấn đề ô nhiễm môi trường là một ví dụ điển hình. Sự phát triển nhanh chóng của công nghiệp ở Trung Quốc trong nhiều năm qua cũng làm nảy sinh các vấn đề về môi trường. Chính vì vậy Chính phủ phải chi rất nhiều tiền để giảm và ngăn chặn những ảnh hưởng của vấn đề này. Theo kế hoạch, trong thời gian 2001 - 2005, Trung Quốc chi 700 tỷ NDT (tương đương 85 tỷ USD) cho công tác bảo vệ môi trường. Trong giai đoạn 2006-2011, con số chi phí cho bảo vệ môi trường lên đến 157 tỷ USD[7].

3. Phải làm gì để các lực lượng thị trường phát huy tác dụng.

- *Xây dựng thị trường các loại.*

Sau khi gia nhập WTO, một trong những nhiệm vụ quan trọng của Chính phủ Trung Quốc là đẩy nhanh quá trình xây dựng và hoàn thiện hệ thống thị trường, tạo nên tính thống nhất của thị trường, từ đó thúc đẩy kinh tế quốc dân phát triển ổn định và thúc đẩy hội nhập quốc tế.

Đối với thị trường vốn, các cơ quan Chính phủ đang thực hiện các nỗ lực nâng cao hiệu quả lưu thông vốn, tăng thu hút và sử dụng vốn đầu tư nước ngoài, dùng mọi cách tăng huy động vốn nhàn rỗi trong cư dân, phát hành nhiều loại chứng từ giao dịch trên thị trường như: trái phiếu, cổ phiếu. Đồng thời tiếp tục thúc đẩy cải cách hệ thống ngân hàng theo hướng thương mại hoá, chuyên môn hoá.

Bảng 1: **PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH CỦA TRUNG QUỐC (ĐẾN GIỮA 2004)**

Trái phiếu		Cổ phiếu		Ngân hàng	
Tỷ USD	%/GDP	Tỷ USD	%/GDP	Tỷ USD	%/GDP
460,1	32,6	360,1	25,5	2861,5	203,0

Nguồn: *Economic Intergration of East Asia Trends challenges and Opportunities*, ADB 11/2004.

Trong xây dựng và phát triển *thị trường vốn,* Trung Quốc chủ trương chuyển từ nhà nước đầu tư là chính sang huy động các nguồn lực ngoài nhà nước là chính.

Một trong những yêu cầu của cải cách Chính phủ là Chính phủ phải làm tốt hơn để cải thiện hệ thống an sinh xã hội. Tuy nhiên, trong khuôn khổ nguồn lực tài chính có hạn, năm 2001, tỷ trọng thu ngân sách của Chính phủ Trung ương so với GDP chỉ là 7,2% - thấp hơn mức 13% của Ấn Độ, 15,6% ở Pakistan, 26,8% ở Liên bang Nga[8]. Khả năng tài chính có hạn trong khi nhu cầu lớn khiến nhà nước phải tìm cách huy động các nguồn tài chính trong dân. Một trong những nguồn đó là phát triển *thị trường trái phiếu.* Phát triển thị trường trái phiếu, một mặt giúp đa dạng hoá các hình thức đầu tư trên thị trường tài chính quốc gia, giảm được sự phụ thuộc quá mức vào thị trường tín dụng, mặt khác còn giúp cung cấp các công cụ và môi trường để Chính phủ quản lý, điều hành kinh tế vĩ mô có hiệu quả. Với nhiều cố gắng, đến cuối năm 2003, Trung Quốc đã có quy mô thị trường trái phiếu lớn thứ ba châu Á, đạt 4098 tỷ NDT, tương đương 500 tỷ USD[9].

Trên thị trường trái phiếu Trung Quốc, trái phiếu Chính phủ là loại trái phiếu được phát hành và giao dịch với khối lượng lớn nhất trên thị trường, đạt quy mô khoảng 2099 tỷ NDT (tương đương 253 tỷ USD), chiếm 55% tổng thị trường trái phiếu. Trái phiếu Chính phủ ở Trung Quốc do Bộ Tài chính phát hành và được giao dịch trên các thị trường như: thị trường liên ngân hàng, trên Sở giao dịch chứng khoán và trên thị trường bán lẻ dưới các hình thức bảo lãnh phát hành và đấu thầu. Bên cạnh đó, Trung Quốc còn có trái phiếu tài chính - do các ngân hàng chính sách (Ngâm hàng phát triển và ngân hàng xuất nhập khẩu) phát hành và giao dịch trên thị trường trái phiếu liên ngân hàng cũng dưới hình thức bảo lãnh phát hành và đấu thầu. Đến năm 2003, thị trường này đứng thứ hai, sau thị trường trái phiếu Chính phủ với tỷ lệ chiếm 31%, quy mô đạt 1191 tỷ NDT (tương đương 144 tỷ USD). Thị trường trái phiếu công ty (phần lớn trái phiếu do các doanh nghiệp nhà nước phát hành), với tỷ phần - chiếm 4%, quy mô đạt 118 tỷ NDT (14,25 tỷ USD). Để thúc đẩy sự phát triển của thị trường trái phiếu, Trung Quốc đã và đang thực hiện nhiều giải pháp. Một trong những hướng quan trọng là đa dạng hoá các nhà phát hành cũng như các nhà đầu tư. Cụ thể là:

-Khuyến khích các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ tham gia vào thị trường trái phiếu.

- Đơn giản hoá các thủ tục phát hành trái phiếu, nới lỏng dần việc quản lý hạn mức phát hành.

- Cho phép ngày càng nhiều các nhà phát hành nước ngoài tham gia vào thị trường trái phiếu phát hành bằng đồng NDT.

Về thị trường lao động, từ sau khi gia nhập WTO, thị trường lao động Trung Quốc còn tồn tại nhiều vấn đề. Rất nhiều chế độ pháp luật về lao động còn thiếu, các chế độ về bảo hiểm lao động còn thiếu, sự lưu chuyển lao động giữa các ngành nghề, giữa các khu vực còn hạn chế... cho nên chưa thực sự thúc đẩy sự phát triển của thị trường này.

Để hình thành và phát triển thị trường lao động lành mạnh và có tổ chức, có trật tự, Trung Quốc đã và đang thực hiện một số biện pháp như sau:

- Xây dựng kế hoạch tổng thể phát triển các cơ sở đào tạo nghề trên phạm vi toàn quốc, coi trọng lựa chọn những thành phố, thị trấn vừa và nhỏ hội tụ đủ các điều kiện để hình thành thị trường lao động thống nhất giữa thành thị và nông thôn.

- Mở các cơ sở dậy nghề, điều hoà có tổ chức giữa nơi thừa và nơi thiếu lao động.

- Mở nhiều hình thức tập huấn nhằm nâng cao chất lượng lao động nông thôn, tạo ra một lực lượng lao động được đào tạo nghề nghiệp ở một chừng mực nhất định, sẵn sàng tiếp nhận việc làm khi cần.

-Sửa đổi các quy định trong hệ thống đăng ký trang trại ở các thị trấn nhỏ. Tháng 3/2002, Trung Quốc đã ban hành "*Ý kiến về cải cách hệ thống quy định đăng ký trang trại ở các thị trấn nhỏ*". Văn bản này thừa nhận tính pháp lý đối với nhà cửa và hộ khẩu của những người có việc làm ổn định tại nơi mới đến. Người nông dân có quyền hoạt động kinh doanh ở quê họ hay chuyển đến nơi khác theo nguyện vọng mà vẫn được hưởng các quyền lợi, nghĩa vụ như nhau, không phân biệt đối xử giữa người địa phương và dân mới đến.

- *Xây dựng các tổ chức xã hội, các tổ chức nghề nghiệp.* Trong nền kinh tế thị trường, để thực hiện tốt chức năng cung cấp các dịch vụ công cộng, Chính phủ đã khuyến khích và hỗ trợ các tổ chức xã hội cùng tham gia và phát huy vai trò của mình. Để hỗ trợ cho các cơ quan Chính phủ trong thực hiện các chức năng của mình, Trung Quốc đã thực hiện chủ trương khuyến khích các xí nghiệp và các địa phương thành lập các tổ chức xã hội, tổ chức nghề nghiệp tự quản như các tổ chức công hội, hiệp hội lao động, ngành nghề hiệp hội hành chính, hội thương nghiệp, hội tiêu thụ và các hội nghiên cứu học thuật như kinh tế, giáo dục... coi đây là một phương thức quan trọng để quản lý một cách dân chủ. Các tổ chức này rất được coi trọng, làm cầu nối giữa Nhà nước và nhân dân, cung cấp cho các cơ quan nhà nước những thông tin mang tính hiện tượng số lớn, chân thực của từng ngành nghề, từng lĩnh vực giúp cho việc hoạch định các chính sách của Nhà nước, thúc đẩy phát triển kinh tế và tiến bộ xã hội.

Nâng cao vai trò của các hiệp hội ngành nghề. Nâng cao vai trò của các hiệp hội ngành nghề được xem là biện pháp quan trọng để ổn định thị trường trong điều kiện nhiều kiểm soát của Chính phủ được tháo bỏ. Trong những năm gần đây, buôn bán quốc tế của Trung Quốc tăng rất nhanh. Chỉ trong 3

năm (2001-2004), tổng kim ngạch ngoại thương của Trung Quốc đã tăng gấp đôi (1150 tỷ USD/2004 so với 510 tỷ USD/2001). Tuy nhiên, khối lượng xuất khẩu của Trung Quốc tăng nhanh trong khi lượng ngoại tệ thu về tăng chậm. Có tình hình này là do các doanh nghiệp Trung Quốc cạnh tranh lẫn nhau. Ở trong nước, có tình trạng nâng giá, tranh nhau mua hàng (nguyên vật liệu). Ở nước ngoài, có tình trạng hạ giá để tranh nhau bán hàng. Bàn về vấn đề này, ông Long Vĩnh Đồ đưa ra một ví dụ về trường hợp nước Xiêra Leon dự định mua một trạm điện thoại tự động 10.000 số của Anh. Người Anh chào bán với giá 500 USD/ 1 chiếc. Xiêra Leon chuyển sang mua của Trung Quốc khi biết một công ty nhà nước của nước này chào bán với giá 100 USD/ 1 chiếc. Cuối cùng một công ty tư nhân Trung Quốc đã giành được hợp đồng vì chỉ chào bán với giá 50 USD/ 1 chiếc. Theo ông Long Vĩnh Đồ, để giải quyết tình trạng tranh mua, tranh bán trong điều kiện mới, Trung Quốc cần tăng cường vai trò của các hiệp hội ngành nghề trong điều phối thị trường, chủng loại và giá cả hàng hoá. Bên cạnh đó, hiệp hội ngành nghề cũng giúp liên kết các doanh nghiệp, tìm cách thâm nhập thị trường nước ngoài, chống lại các rào cản bảo hộ mậu dịch bất hợp lý như các vụ kiện chống bán phá giá. Theo thống kê, tính đến tháng 6.2004, trên thế giới đã có 34 nước tiến hành 694 vụ điều tra chống bán phá giá, chống trợ giá và các biện pháp bảo hộ đối với hàng hoá Trung Quốc. Các hoạt động này đã trực tiếp liên quan đến lượng hàng hoá trị giá hơn 20 tỷ USD[10]. Ở thị trường trong trong nước, hiệp hội ngành nghề dễ dàng uốn nắn, chấn chỉnh các doanh nghiệp tuân thủ các quy định về chất lượng sản phẩm, đặc biệt dễ dàng hơn trong chống hàng giả, hàng nhái. Hiện nay, Trung Quốc có khoảng vài ngàn hiệp hội ngành nghề. Các hiệp hội này do Chính phủ lập ra. Cán bộ lãnh đạo các hiệp hội phần lớn là cán bộ lãnh đạo các ngành sau khi đến tuổi nghỉ hưu về làm việc ở đó. Hiện Trung Quốc đang thực hiện các biện pháp cải cách, tăng thêm quyền cho các hiệp hội ngành nghề, để các cơ quan này sớm trở thành những đại diện của hầu hết các xí nghiệp lớn.

Tăng cường vai trò của Tổ chức công đoàn:

Từ sau khi Trung Quốc gia nhập WTO, vai trò của Công đoàn trở nên quan trọng hơn, đặc biệt đối với việc giúp các công đoàn viên tìm việc làm và hỗ trợ các công đoàn viên có hoàn cảnh khó khăn, đặc biệt khi mà các DNNN đang đẩy mạnh cải cách làm số người bị mất việc làm tăng nhanh. Theo thống kê, trong hơn 3 năm từ năm 2000 đến năm 2003, số công nhân đô thị bị sa thải khỏi các xí nghiệp quốc doanh lên tới 45 triệu người [11].

Hiện nay, Tổng công hội Trung Quốc (tên tổ chức công đoàn ở Trung Quốc) có đến 1,71 triệu công đoàn cơ sở, với 131 triệu công đoàn viên. Tổng công hội Trung Quốc tham gia biên soạn các chế độ chính sách, thiết lập các mối quan hệ giữa công đoàn viên, các tổ chức công đoàn và chính quyền địa phương. Từ năm 2001, Tổng công hội Trung Quốc đã tham gia thành lập các trung tâm đào tạo nghề, giới thiệu việc làm cho các đối tượng thất nghiệp cũng như giúp đỡ 2,5 triệu lượt công đoàn viên gặp hoàn cảnh khó khăn, với số tiền đạt 320 triệu NDT.

Phân cấp, phân quyền:

Trung Quốc nhiều lần nói đến trao quyền cho cấp dưới nhưng nền kinh tế vẫn chủ yếu do Chính phủ và các quan chức Chính phủ chỉ đạo, điều hành. Trong điều hành còn nặng về nhân trị - công việc do một người hoặc một số ít người điều hành, chưa phải là pháp trị - điều hành dựa theo pháp luật. Quyền hạn của địa phương, của cấp dưới còn quá ít.

Cho đến năm 2002, trong quản lý hành chính, ở Trung Quốc có 5 cấp, đó là: toàn quốc, cấp tỉnh, cấp địa khu, cấp huyện, và cấp xã. Việc làm cho bộ máy hành chính trở nên gọn nhẹ, thủ tục bớt rườm rà đang được thực hiện. Điều này được thể hiện ở những khía cạnh sau đây:

- Đầu năm 2003, Trung Quốc thành lập Uỷ ban Phát triển và Cải cách nhà nước trên cơ sở sáp nhập Uỷ ban kế hoạch nhà nước và Uỷ ban cải cách thể chế;

- Đã thành lập Uỷ ban giám sát và quản lý vốn và tài sản nhà nước, thực hiện chức năng đại diện cho chủ sở hữu, quản lý vốn và tài sản ở các doanh nghiệp nhà nước cũng như các tổ chức kinh tế xã hội;

- Đã thành lập Cục quản lý hành chính kinh tế trực thuộc Quốc vụ viện, nhằm thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với các loại doanh nghiệp.

- Cải cách hành chính được thực hiện mạnh mẽ ở Hải Nam. Trong khi các tỉnh khác có đến 60 ban ngành thì ở đây chỉ có 26 Ban ngành, cấp địa khu bị bỏ, quản lý từ tỉnh đi thẳng đến 19 huyện.

Cải cách Chính phủ, với bất kỳ nước nào cũng là một công việc phức tạp, cũng là một quá trình lâu dài diễn ra cùng với sự phát triển không ngừng của nền kinh tế, khó có điểm dừng. Việc gia nhập WTO của Trung Quốc là một mốc lớn - đánh dấu thời điểm bắt đầu sự thay đổi mạnh mẽ trong đời sống kinh tế xã hội cũng như sự hoà nhập toàn diện của Trung Quốc vào nền kinh tế thế giới. Chính vì vậy, những nội dung được đề cập trên đây chỉ hạn chế trong khuôn khổ những cải cách ở Trung Quốc sau 3 năm khi nước này gia nhập WTO. Việt Nam cũng sắp trở thành thành viên của WTO, kinh nghiệm trong cải cách Chính phủ ở Trung Quốc sau khi gia nhập WTO sẽ là những bài học hữu ích để chúng ta tham khảo.

CHÚ THÍCH:

1. Thị trưởng thành phố Hoàng Thạch, tỉnh Hồ Bắc, Trung Quốc, trong cuốn: *Cải cách hoạt động của Chính phủ Trung Quốc sau khi gia nhập WTO*

2. China's Economic transition: Progress, Challenges and Objectivies, Báo cáo tại Hội nghị Các nền kinh tế chuyển đổi, 31/5-1/6, 2004, Hà Nội.

3. *Báo Nhân dân*, ngày 2/6/2004.

4. Vu Cát: *Giám sát tài sản công của doanh nghiệp Trung Quốc*, Báo có tại Viện Quản lí kinh tế Trung ương,ngày 9/3/2005 tr. 1

5. Báo *Đầu tư chúng khoán* 25/4/2005, tr. 29.

6. TTKCN 13/3/2005.

7. *Tin kinh tế quốc tế*, số 16/2005, tr. 10.

8. WB 2004, Peter Nolan: *Cải cách mở cửa của Trung Quốc*, Viện quản lý Judge, Đại học Cambridge.

9. Lê Tiến Phúc: *Thị trường trái phiếu Trung Quốc*, TTPV LĐ số 11, 6/2004, tr. 27.

10. *Trung Quốc sau 3 năm gia nhập WTO,* Kinh tế quốc tế, ngày 28/11/2004, tr. 4; "Trung Quốc thương báo" (TQ).

11. Tuấn Linh: *Cải cách DNNN vẫn còn trắc trở*, Báo Quốc tế số 11-17/11/2004.